

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày 23 - 01 - 2024
“Về tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

2. Bà Lê Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS ngày 08/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1987. Địa chỉ: khu phố 3 Nhà Thương, thị trấn A, huyện B, tỉnh Long An.(có mặt)

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1992 và ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1985. Địa chỉ: khu phố 3 Nhà Thương, thị trấn A, huyện B, tỉnh Long An.(bà N và ông N có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1983. Địa chỉ: ấp Long Hòa, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Long(bà L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: theo giấy vay tiền ngày 12/3/2021 và ngày 22/3/2023 thể hiện bà Nguyễn Thị Mỹ H là người đại diện cho bà Nguyễn Thị Mỹ L (bà L là chị ruột bà H. Bà L sinh ngày 21/5/1983, địa chỉ: ấp Long Hòa, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Long). Do trước đây số tiền mà bà H cho bà N và ông N mượn là tiền của bà L. Sau đó đến hạn bà N và ông N chưa có tiền để trả cho bà L, bà H đã ứng tiền ra trả cho bà L nên hiện toàn bộ số tiền 363.000.000 đồng là bà N và ông N nợ bà H không liên quan gì đến bà L. Trong giấy nợ ghi “tôi cũng lấy giấy tờ nhà để làm thế

chấp và bà N với ông N cũng đồng ý sau này khi trả hết tiền thì tôi mới gửi lại giấy tờ nhà theo thỏa thuận”, giấy nợ ghi như vậy chứ thực ra bà N với ông N không có thể chấp bất kỳ giấy tờ đất gì cho bà L và bà H. Nay bà H yêu cầu bà N với ông N trả cho bà H số tiền vốn vay là 363.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn ông Nguyễn Hoàng N trình bày: lúc đó vợ chồng sống hạnh phúc, ông N chỉ lo đi làm kiếm tiền còn mọi chuyện quán xuyến trong nhà thì ông N giao vợ ông N. Khi đó vợ chồng tính sửa nhà nhưng không đủ tiền nên có mượn của Hương tiền nhưng lúc mượn tiền vợ ông N mượn và ký nhận nợ. Ông N đồng ý có nợ tiền của bà H, nhưng bây giờ làm ăn khó khăn nên ông N xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời đề nghị Tòa án buộc bà N phải liên đới cùng ông N trả tiền cho bà H. Ông N xác định chữ ký trong giấy mượn tiền ghi ngày 12/3/2021 và ngày 22/3/2023 là chữ ký của ông N. Ông N và bà N ly hôn ngày 20/6/2023, khi ly hôn chưa giải quyết nợ chung nên bà N phải có trách nhiệm trả nợ cùng ông N.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày: lúc đó vợ chồng sống hạnh phúc thì vợ chồng thống nhất sửa nhà nhưng sửa nhiều lần và mượn tiền H nhiều lần, mỗi lần sửa nhà là mượn tiền, khi mượn tiền bà N và ông N đều thống nhất mượn tiền và ký giấy nợ, toàn bộ số tiền nợ của bà H là tiền vợ chồng bà N mượn để sửa nhà mà hiện ông N đang ở, bà N không có chi tiêu cá nhân trong số tiền mượn nợ này. Bà N đồng ý có nợ tiền của bà H, nhưng bây giờ làm ăn khó khăn bà N đi làm công nhân ở trọ vì bà N và ông N đã ly hôn, khi ly hôn bà N đã thống nhất giao toàn bộ tài sản cho ông N quản lý sử dụng trong đó có căn nhà thì ông N phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H còn nếu ông N không có tiền trả cho bà H thì ông N giao nhà cho bà H vì phần đất mà cất nhà là chồng bà H đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng bà N cho nhưng cha mẹ chồng bà N sang tên cho chồng bà H nhưng đất hiện tại vợ chồng bà N và ông N cất nhà và quản lý sử dụng. Bà N không đồng ý cùng liên đới với ông N trả nợ cho bà H.

Tại bản tường trình người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: trước đây khoảng năm 2021 bà L có đưa cho em ruột bà L là bà Nguyễn Thị Mỹ H 363.000.000 đồng để bà H cho vợ chồng ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Bích N mượn. Khi bà L cần tiền để sử dụng thì bà L có yêu cầu bà H thu hồi tiền của bà N và ông N đã mượn trước đây trả cho bà L nhưng bà N và ông N không có tiền để trả nên bà H ứng tiền trả cho bà L thay cho bà N và ông N. Bà L xác định bà L đã nhận đủ 363.000.000 đồng từ bà H nên số nợ của bà N và ông N không liên quan đến bà L. Nay bà H kiện bà N và ông N yêu cầu trả số tiền 363.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp, bà L không có ý kiến tranh chấp khiếu nại gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật của thẩm phán xây dựng hồ sơ đúng trình tự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa thể hiện khách quan. Về ý kiến giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H với bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàng N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H thấy rằng: Vào ngày 12/3/2021 bà H có cho bà N và ông N vay 1.500.000.000 đồng và ngày 22/3/2023 bà N và ông N tiếp tục mượn của bà H 210.000.000 đồng, giấy nợ không thể hiện thời gian trả nên ngày 29/9/2023 bà H có thông báo yêu cầu trả nợ gửi bà N và ông N, việc vay tiền có lập giấy vay do bà H viết, bà N và ông N ký tên. Tuy nhiên, khi đến hạn trả tiền thì bà N và ông N không thực hiện đúng cam kết, không trả tiền cho bà H.

Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2023 bà H yêu cầu bà N và ông N trả cho bà H số tiền là 363.000.000 đồng, tại phiên tòa bà H xác định chỉ yêu cầu bà N và ông N trả cho bà H số tiền nợ là 360.000.000 đồng.

Bà N và ông N thống nhất có nợ bà H 360.000.000 đồng và thống nhất chữ ký trong giấy nợ là của bà N và ông N. Bà N và ông N xác nhận số tiền này mượn của bà H để làm nhà, hiện tại phân đất mà bà N và ông N làm nhà ở là chồng bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì nguồn gốc đất của cha mẹ cho, ông N và chồng bà H là anh em ruột nên khi cha mẹ cho chung nhưng chưa tách giấy, hiện ông N và bà N không tranh chấp phần đất này, khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Bà N không đồng ý cùng ông N liên đới trả nợ cho bà H vì hiện tại nhà ông N đang ở nên ông N phải có trách nhiệm trả nợ. Ông N cho rằng đi làm công nhân nên không có nhiều tiền, ông N xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và ông N yêu cầu bà N liên đới trả nợ cùng ông N.

Ngày 20/6/2023 bà N và ông N ly hôn nhưng lúc đó Tòa án không giải quyết phần nợ chung của bà N và ông N. Khoản nợ mà bà H yêu cầu bà N và ông N trả là nợ trong thời kỳ hôn nhân, cả bà N và ông N đều thừa nhận khoản nợ này, do đó bà H yêu cầu bà N và ông N liên đới trả nợ là phù hợp nên chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L xác nhận đã nhận đủ tiền từ bà H nên không có ý kiến và tranh chấp gì về yêu cầu của bà H đối với bà N và ông N nên không xem xét.

[3] Về tiền lãi: bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì yêu cầu của bà H được chấp nhận nên ông N, bà N phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàng N phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng) tiền vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàng N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàng N phải liên đới chịu 18.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H 9.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007998 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/01/2024. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy

